TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯM'GAR** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/DS-ST
Ngày 17-6-2022
"*V/v: tranh chấp HĐ vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thiên Lý.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Duy Thanh; 2. Bà Bùi Thị Hà

Thư ký phiên toà: Ông Vũ Đức Đuống – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CưM'gar

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022 tại Toà án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 148/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2022/QĐXXST- DS ngày 02 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Bà Hồ Thị P, sinh năm 1979 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 14, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

- **Bị đơn**: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 14, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan**: Ông Hoàng Trọng H, sinh năm 1971 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 14, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hồ Thị P trình bày:

Bà và bà Nguyễn Thị T có quan hệ hàng xóm, cùng thôn với nhau. Ngày 09/02/2021 bà có cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền 164.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 1%/tháng nhưng không ghi vào giấy vay tiền. Bà T đã nhận đủ tiền và ký tên vào giấy vay tiền. Lúc vay tiền bà T không cầm cố, thế chấp tài sản gì cho bà. Mục đích bà T vay tiền của bà về làm gì thì bà không biết, thỏa thuận đến ngày 09/4/2021 thì trả đủ cả gốc và lãi. Thực hiện cam kết thì bà T đã trả cho bà số tiền 8.000.000 đồng vào tháng 5 năm 2021 (Cân tiêu

trả, số kg tiêu bà không nhớ), tháng 12/2021 bà T cân cho bà 02 tạ 86 kg cà phê nhân x 41.000đ/kg = 11.726.000 đồng, trừ đi 3.000.000 đồng bà T mượn bà cho con gái đi sinh, còn 8.726.000 đồng trừ nợ. Tổng cộng bà T đã trả cho bà số tiền 16.726.000 đồng, còn nợ bà 147.274.000 đồng nợ gốc và tiền lãi. Bà yêu cầu Tòa án buộc bà T trả cho bà số tiền gốc 147.274.000 đồng, còn tiền lãi do trong giấy vay tiền không ghi lãi nên bà không yêu cầu tiền lãi từ ngày vay đến nay mà chỉ yêu cầu tính lãi trong quá trình thi hành án. Số tiền bà cho bà T vay là tiền của vợ chồng bà.

Theo bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Năm 2014 (ngày tháng cụ thể bà không nhớ) do cần tiền trả nợ ngân hàng nên bà có vay của bà P số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2,5%/tháng, không thế chấp hay cầm cố tài sản gì, khi vay tiền có ký sổ của bà P. Cùng năm 2014, chồng bà là ông Nguyễn Đình C có vay của bà P số tiền 17.000.000 đồng và 05 tạ cà phê nhân để làm chuồng heo, lúc vay tiền chưa nói lãi bao nhiêu, khi nào trả tiền mới tính. Đến năm 2015, vợ chồng bà và bà P chốt nợ từ năm 2014, tính cả tiền gốc đã vay là 27.000.000 đồng, 05 tạ cà phê nhân và tiền lãi thành tổng số nợ là 40.000.000 đồng và hai vợ chồng bà ký nhận nợ vào sổ của bà P, ngày tháng cụ thể bà không nhớ. Đến năm 2019 thì ông Nguyễn Đình C bỏ nhà đi cho đến nay.

Ngày 09/02/2021 bà lên nhà bà P để xin khất nợ thì vợ chồng bà P tính cả tiền gốc và tiền lãi thành 164.000.000 đồng. Bà có xin chỉ trả tiền gốc nhưng vợ chồng bà P nói bà cứ ký giấy nhận nợ rồi sau này cho bà tiền lãi, chỉ trả tiền gốc thôi nên bà đã ký giấy xác nhận vay số tiền 164.000.000 đồng. Sau khi ký giấy vay tiền ngày 09/02/2021 thì ngày 27/02/2021 bà trả cho bà P 118 kg tiêu khô quy thành tiền là 8.850.000 đồng; ngày 14/12/2021 bà trả cho bà P 286kg cà phê nhân tính thành tiền 286 kg x 41.000đ/kg = 11.726.000 đồng, trừ 2.000.000 đồng tiền bà vay cho con gái đi sinh, quy thành tiền đã trả là 9.726.000 đồng. Tổng cộng bà đã trả cho bà P 18.576.000 đồng. Việc trả nợ tiêu và cà cũng không viết giấy xác nhận gì. Bà xác định bà chỉ vay của bà P số tiền gốc (cả cà phê và tiền) là 40.000.000 đồng, còn lại là tiền lãi. Nay bà P khởi kiện bà số tiền còn nợ là 148.000.000 đồng thì bà không đồng ý. Đối với tổng số cà phê và tiêu bà đã trả cho bà P quy thành tiền là 18.576.000 đồng thì tính vào tiền lãi, còn 40.000.000 đồng nợ gốc thì bà đồng ý trả và xin trả dần.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Trọng H trình bày:

Ông đồng ý với ý kiến của vợ ông là bà Hồ Thị P và không bổ sung gì thêm

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: đã tuân thủ cơ bản đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có

quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463; 446; 470 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Nguyễn Thị T trả cho bà Hồ Thị P và ông Hoàng Trọng H số tiền nợ gốc 147.274.000 đồng. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T, trú tại thôn 14, xã E, huyện C trả nợ số tiền đã vay; đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CưM'gar theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về nghĩa vụ trả nợ: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa xác định được: Ngày 09/02/2021 bà Hồ Thị P có cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền 164.000.000 đồng, hai bên có lập giấy vay tiền và bà T đã ký tên xác nhận tại mục người vay. Lúc vay tiền bà T không cầm cố, thế chấp tài sản gì, thỏa thuận đến ngày 09/4/2021 thì bà T trả đủ cả gốc và lãi cho bà P. Nguồn gốc số tiền cho bà T vay là tiền của vợ chồng bà Hồ Thị P, ông Hoàng Trọng H.

Bà T xác định bà có ký giấy vay tiền ngày 09/02/2021 nhưng bà không nhận tiền mà số tiền 164.000.000 đồng là cộng gộp số nợ gốc 40.000.000 đồng vợ chồng bà vay của bà P năm 2014 và tiền lãi từ năm 2014 cho đến ngày 09/02/2021. Tuy nhiên, ý kiến của bà T không được bà P thừa nhận, bà T cũng không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh về việc không vay số tiền 164.000.000 đồng của bà P. Do đó, có cơ sở xác định ngày 09/02/2021 bà Nguyễn Thị T có vay của bà Hồ Thị P số tiền 164.000.000 đồng.

Thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng vay tài sản thì bà T đã trả cho bà P số tiền 8.000.000 đồng vào tháng 5/2022 bằng hình thức cân tiêu khô, đến tháng 12/2021 bà T cân cho bà P 02 tạ 86 kg cà phê nhân x 41.000đ/kg = 11.726.000 đồng, trừ đi 3.000.000 đồng bà T mượn bà P cho con gái đi sinh, còn 8.726.000 đồng trừ nợ. Tổng cộng bà T đã trả cho bà P số tiền 16.726.000 đồng nợ gốc, còn lại số tiền nợ gốc là 147.274.000 đồng vẫn chưa thanh toán. Bà T cho rằng ngày 27/02/2021 bà trả cho bà P 118 kg tiêu khô quy thành tiền là 8.850.000 đồng; ngày 14/12/2021 bà trả cho bà P 286kg cà phê nhân tính thành tiền 286 kg x 41.000đ/kg = 11.726.000 đồng, trừ 2.000.000 đồng tiền bà vay cho con gái đi sinh, quy thành tiền đã trả là 9.726.000 đồng, tổng cộng bà đã trả cho bà P

18.576.000 đồng; tuy nhiên ý kiến của bà T không được bà P thừa nhận mà bà P chỉ thừa nhận bà T đã trả cho bà số tiền 16.726.000 đồng dưới hình thức cân tiêu khô và cà phê để trả nợ. Bà T không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh số cà phê và tiêu khô đã cân để trả nợ cho bà P được quy thành số tiền là 18.576.000 đồng.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định bà Nguyễn Thị T có vay của bà Hồ Thị P số tiền 164.000.000 đồng, đã trả được 16.726.000 đồng, còn nợ số tiền 147.274.000 đồng, việc vay tiền giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, bà Nguyễn Thị T đã không thực hiện việc thanh toán nợ cho bà P theo cam kết khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị P, buộc bà Nguyễn Thị T trả nợ cho bà Hồ Thị P và ông Hoàng Trọng H số tiền nợ gốc 147.274.000 đồng là phù hợp.

[2.2] Về tiền lãi: Trong giấy vay tiền không thể hiện rõ lãi suất, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hồ Thị P xác định chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả nợ lãi trong quá trình thi hành án. Yêu cầu của bà P là phù hợp với quy định tại Điều 357; Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 147.274.000 đồng x 5% = 7.363.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 470 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị P.

Buộc bà Nguyễn Thị T trả cho bà Hồ Thị P và ông Hoàng Trọng H số tiền nợ gốc là 147.274.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

***** Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị T phải nộp 7.363.000 đồng đồng tiền án phí dân sư sơ

thẩm.

- Bà Hồ Thị P không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền 4.144.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2021/0008163 ngày 25/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐắkLắk
- VKSND huyện CưM'gar
- THADS huyện CưM'gar
- Nguyên đơn; bị đơn
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thiên Lý